CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG ANH EM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
☙o0o❧	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026-PTN	☙o0o❧

SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: .....
Ngày: 23-09-2026
Chuyển: .....
Hồ sơ hồ sơ HS: .....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 09 năm 2026

CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện Công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Anh Em công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Anh Em.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0310581763, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2011; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16 tháng 08 năm 2012. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 202/4 Võ Văn Tần, phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838334938 Email: contact@brothersenc.com

Trang thông tin điện tử: www.brothersenc.com

2. Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD 1136 được cấp theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 256/GCN-BXD ngày 29/03/2019 của Bộ Xây dựng)

Địa chỉ: 202/4 Võ Văn Tần, phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838334938 Email: contact@brothersenc.com

Trạm thí nghiệm hiện trường: Không có

II. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng; máy móc, thiết bị tương ứng, thí nghiệm viên tương ứng Phụ lục I
- Danh sách cán bộ, nhân viên của phòng thí nghiệm: Phụ lục II
- Danh mục máy móc, thiết bị: Phụ lục III

Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Anh Em chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0315961763 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG ANH EM
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Uy Vũ

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM; TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG; MÁY MÓC, THIẾT BỊ TƯƠNG ỨNG, THÍ NGHIỆM VIÊN TƯƠNG ỨNG

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
	THỬ CỐT LIỆU BÊTÔNG VÀ VỮA			
1.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C40:2014; AASHTO T85-22	Cân kỹ thuật (0,01g), Thùng ngâm mẫu, Khăn thấm nước mềm và khô, Thước kẹp, Bàn chải sắt, Tủ sấy	Phạm Thị Nguyệt
2.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29/C29M-23; AASHTO T19/T19M-25	Thùng đong bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1l; 2l; 5l; 10l và 20l, Cân kỹ thuật (0,01g), Phễu chứa vật liệu, Bộ sàng tiêu chuẩn, Tủ sấy, Thước lá kim loại, Thanh gỗ thẳng, nhẵn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn	
3.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566-25 AASHTO T255-22 ASTM C70:20	Cân kỹ thuật (0,01g), Tủ sấy, Dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao)	
4.	Xác định cường độ và hệ số mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D7012-23	Máy nén, Máy khoan và máy cưa đá, Máy mài nước, Thước kẹp, Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu	
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG			
5.	Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012	Bộ máy khoan địa chất, ống lấy mẫu, sáp parafin, băng dính	Nguyễn Hữu Uy Vũ Phạm Minh Quý Phạm Thị Nguyệt Nguyễn Phước Thuỳ Dương
6.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23	Cân kỹ thuật (0,01 g); Bình tỷ trọng dung tích 100 cm^3; Tủ sấy; Sàng có lưới N°2 (kích thước lỗ Sàng 2 mm); Tỷ trọng kế; Thiết bị ổn nhiệt; bình hút chân không; Cối chày sứ, phễu, cốc nhỏ	
7.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, Cân kỹ thuật (0.01g), các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy, bình hút ẩm	
8.	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012; TCVN 14134-4:2024; ASTM D4318-17E1	Cân kỹ thuật (0.01g) tủ sấy, sàng 1mm, tấm kính nhám, chùy xuyên vaxiliep, dụng cụ casagrande, khuôn hình trụ, sàng 1.0mm; hộp, cối chày sứ, dao.	
9.	Xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm	TCVN 4198:2014; TCVN 14135-5:2024; TCVN 14134-3:2024 ASTM D1140-17; ASTM D7928-21e1	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật (0.01g), tủ sấy, nhiệt kế điện tử, tỷ trọng kê; bình hút ẩm, cối chày sứ, bình phun tia, dụng cụ để thí nghiệm xác định độ ẩm.	
10.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt trên máy	TCVN 4199:1995;; ASTM	Máy cắt một phẳng – Loại A: lực cắt tác dụng trực tiếp, dao vòng	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
	cắt phẳng	D3080/D3080M-23	cắt, tấm nén truyền lực, đồng hồ đo biến dạng, vòng đo lực ngang.	
11.	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435M-25	Máy nén tam liên; Đồng hồ so; Cân kỹ thuật (0,01g), Dao vòng, dao gọt đất, thước, tấm kính…	Nguyễn Hữu Uy Vũ Phạm Minh Quý Phạm Thị Nguyệt
12.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; ASTM D1557-12 (2021) ASTM D698-12(2021)	Cối đầm; Cân kỹ thuật (0.01g); Tủ sấy; Sàng 5 mm; Bình hút ẩm, bình phun nước, dao gọt đất; hộp, cối chày sứ có đầu bọc cao su	
13.	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263-21	Dao vòng; Thước kẹp; Cân kỹ thuật (0,01g); Tủ sấy; Dao, cốc thủy tinh, hộp nhôm, bình hút ẩm	
14.	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; ASTM D1883-21	Máy nén CBR. Đồng hồ đo biến dạng; Cối CBR; Chày đầm; tấm đệm; Cân kỹ thuật (0,01g); Tủ sấy; Sàng: lỗ 19,0 mm và 4,75 mm; bể ngâm mẫu	
15.	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012 ASTM D2434-22 ASTM D5084-24	Bộ thiết bị thấm thành mềm, hệ thống kiểm soát áp lực và thể tích, khuôn đúc mẫu, đá thấm,	
16.	Xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012 ASTM D2166-06	Máy 3 trục/ 1 trục; Đồng hồ đo biến dạng; Tấm đệm; thước; đồng hồ bấm giây; cân kỹ thuật (0.01g); dao dây, khay đựng mẫu	
17.	Xác định sức kháng cắt không cố kết - Không thoát nước và cố kết - Thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011; ASTM D4767-20; ASTM D7181-20; ASTM D2850-23	Máy 3 trục; Đồng hồ đo áp suất cell; Đồng hồ đo áp suất nước lỗ rỗng; Đồng hồ đo lực dọc trục; Đồng hồ đo chuyển vị; Thiết bị đo thể tích nước thay đổi	
	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
18.	Xác định khối lượng thể tích, độ chặt đất hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020	Cân kỹ thuật (0.01g), Sàng 5mm, tủ sấy, dao gạt đất, dao đai, búa, bàn chải lông	Nguyễn Hữu Uy Vũ Phạm Minh Quý Phạm Thị Nguyệt
19.	Xác định khối lượng thể tích, độ chặt hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012	Bộ phễu rót cát, Cát chuẩn: lọt qua sàng 2,36mm và nằm trên sàng 0,3mm, Cân kỹ thuật (0.01g), Các dụng cụ khác: dao, cuốc nhỏ,xô có nắp, hộp đựng mẫu ẩm…..	
20.	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D1195/D1195M-21	Bộ đo E bằng tấm ép cứng, Đồng hồ SO, cát sạch, thước nivo	
21.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022 ASTM	Bộ thiết bị thí nghiệm SPT (Bao gồm các bộ phận: Thiết bị khoan	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
		D1586/D1586M-18e1	tạo lỗ, Đầu xuyên, Bộ búa đóng);	
22.	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184:2021 ASTM D2573/D2573M-18	Bộ tạo mô men cắt và ghi dữ liệu, cánh cắt, cần nối, bộ định tâm, ống chống	Nguyễn Hữu Uy Vũ Phạm Minh Quý Phạm Thị Nguyệt Trương Quốc Ninh
23.	Thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu)	TCVN 9846:2013 ASTM D5778-20	Thiết bị xuyên tĩnh, Đầu xuyên được trang bị cảm biến, cần xuyên, thiết bị ép, datalog,	
24.	Đo áp lực nước lỗ rỗng Piezometer.	TCVN 8869:2011; ASTM D5092/D5092M-16(2024) ASTM D7764-20	Dụng cụ Piezometer	
25.	Đo chuyển vị ngang bằng Inclinometer	AASHTO R54-13 ASTM D6230-21e1	Bộ đo chuyển vị ngang Inclinometer	
26.	Đo địa kỹ thuật – Extensometer và dải đo hội tụ	DIN 4107-2	Thước đo lún sâu	
	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC			Phạm Thị Nguyệt
27.	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011	Máy đo pH	
28.	Xác định hàm lượng Sunfat	TCVN 6200:1996	Phễu lọc thủy tinh xốp, bình thủy tinh có vòi, cân phân tích (0.001g)	
29.	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 6194:1996	Buret 25ml, dụng cụ thí nghiệm thông thường	
30.	Xác định hàm lượng cacbonat - Phương pháp thể tích	TCVN 6655:2000	Buret, pipet, máy khuấy, hoá chất chỉ thị	
31.	Xác định độ axit - Soil acidity (Baumann - Gully)	BS EN 16502:2014	Bộ dụng cụ chiết tách, buret chuẩn độ	

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ Nhiệm vụ được giao	Ghi chú
1	Nguyễn Hữu Uy Vũ	1964	- Kỹ sư địa chất - Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Chứng nhận tập huấn quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025:2017 - Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường	Trưởng phòng	
2	Võ Tuấn Khải	1968	- Kỹ sư địa chất - Chứng nhận tập huấn quản lý chất lượng phòng thí nghiệm theo ISO/IEC 17025:2017	Phó phòng	
3	Phạm Minh Quý	1997	- Kỹ sư địa chất - Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường	Thí nghiệm viên	
4	Phạm Thị Nguyệt	1984	- THPT - Bằng nghề thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô	Thí nghiệm viên	
5	Nguyễn Phước Thuỳ Dương	1997	- Kỹ sư địa chất - Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành Xây dựng công trình giao thông	Thí nghiệm viên	
6	Trương Quốc Ninh	1998	- Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật địa chất - Thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành Xây dựng công trình giao thông	Thí nghiệm viên	

PHỤ LỤC III

DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Hiểm định/ hiệu chuẩn	Nơi sử dụng thiết bị	Ghi chú
1.	Máy nén TYE-2000	Nơi sản xuất: Trung Quốc Kiểu: TYE-2000 Phạm vi đo: (0-800kN)/2.5kN (0-2000kN)/5kN	Kiểm định	Phòng thí nghiệm	
2.	Cân kỹ thuật	Nơi sản xuất: Đức Kiểu: TE3102S Mức cân lớn nhất: 3100g Giá trị độ chia: 0.01g	Kiểm định	Phòng thí nghiệm	
3.	Cân kỹ thuật	Nơi sản xuất: Shimadzu Kiểu: UX620H Mức cân lớn nhất: 620g Giá trị độ chia: 0.001g	Kiểm định	Phòng thí nghiệm	
4.	Máy đo pH	Nơi sản xuất: Horiba Kiểu: F-71G Phạm vi đo: (0-14)pH Độ phân giải: 0.001pH	Kiểm định	Phòng thí nghiệm	
5.	Tỷ trọng kế	Nơi sản xuất: Pháp Kiểu: ASTM E100 152H Thang đo: 0-60.0g/l Độ đọc: 1g/l	Kiểm định	Phòng thí nghiệm	
6.	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng	Nơi sản xuất: Anh Kiểu: L0108/10 Thang đo: $(-10\div110)^0$C Giá trị vạch chia: 0.5^0C	Kiểm định	Phòng thí nghiệm	
7.	Thiết bị đo nghiêng	Nơi sản xuất: Geokon Kiểu: GK-604D Thang đo: $(-30\div30)^0$	Đo-kiểm	Phòng thí nghiệm	
8.	Đồng hồ đo dây rung	Nơi sản xuất: Geokon Kiểu: GK-404 Thang đo: (400÷5 000)Hz Độ phân giải: 0.1Hz	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
9.	Đầu đo chuyển vị điện tử	Nơi sản xuất: Mỹ Kiểu: MLT-38000100 Thang đo: (0÷12.7)mm Điện áp: 5V Độ phân giải: 0.0001V	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
10.	Đầu đo chuyển vị điện tử	Nơi sản xuất: Đài Loan Kiểu: KPZF50 Thang đo: (0÷50.8)mm Điện áp: 5V Độ phân giải: 0.0001V	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
11.	Đầu đo chuyển vị điện tử	Nơi sản xuất: HUMBOLT Kiểu: N/A Thang đo: (0÷50.8)mm Điện áp: 5V Độ phân giải: 0.0001V	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Hiểm định/ hiệu chuẩn	Nơi sử dụng thiết bị	Ghi chú
12.	Đầu đo chuyển vị điện tử	Nơi sản xuất: KEEN-TEC Kiểu: 1525R34kΩ Thang đo: (0÷24.5)mm Điện áp: 5V Độ phân giải: 0.0001V	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
13.	Cảm biến lực	Nơi sản xuất: HUMBOLT Kiểu: VMC Thang đo: (0÷4.5)kN Điện áp: 30mV Độ phân giải: 0.01mV	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
14.	Cảm biến lực	Nơi sản xuất: Mỹ Kiểu: VLC-110 Thang đo: (0÷4.5)kN Điện áp: 100mV Độ phân giải: 0.01mV	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
15.	Cảm biến áp suất	Nơi sản xuất: Trung Quốc Kiểu: Exia II CT5 Thang đo: (0÷2)MPa Điện áp: 100mV Độ phân giải: 0.01mV	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
16.	Cảm biến áp suất	Nơi sản xuất: Nhật Bản Kiểu: SMC Thang đo: (0÷1)MPa Điện áp: 5V Độ phân giải: 0.0001V	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
17.	Cảm biến áp suất	Nơi sản xuất: Đài Loan Kiểu: SKON Thang đo: (0÷1000)KPa Điện áp: 200mV Độ phân giải: 0.01mV	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
18.	Sàng thử nghiệm	Nơi sản xuất: Chiyoda Kiểu: 200 Kích thước danh nghĩa: 0.0029 inch Loại: Lỗ vuông	Đo-kiểm	Phòng thí nghiệm	
19.	Sàng thử nghiệm	Nơi sản xuất: Chiyoda Kiểu: JIS8801 Kích thước danh nghĩa: 4.75mm Loại: Lỗ vuông	Đo-kiểm	Phòng thí nghiệm	
20.	Sàng thử nghiệm	Nơi sản xuất: Chiyoda Kiểu: JISZ8801 Kích thước danh nghĩa: 2.00mm Loại: Lỗ vuông	Đo-kiểm	Phòng thí nghiệm	
21.	Sàng thử nghiệm	Nơi sản xuất: Chiyoda Kiểu: JISZ8801 Kích thước danh nghĩa: 425mm Loại: Lỗ vuông	Đo-kiểm	Phòng thí nghiệm	
22.	Sàng thử nghiệm	Nơi sản xuất: Chiyoda Kiểu: JISZ8801	Đo-kiểm	Phòng thí nghiệm	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Hiểm định/ hiệu chuẩn	Nơi sử dụng thiết bị	Ghi chú
		Kích thước danh nghĩa: 150µm Loại: Lỗ vuông			
23.	Sàng thử nghiệm	Nơi sản xuất: Chiyoda Kiểu: JISZ8801 Kích thước danh nghĩa: 1.16mm Loại: Lỗ vuông	Đo-kiểm	Phòng thí nghiệm	
24.	Đồng hồ so	Nơi sản xuất: Mỹ Kiểu: 22001BJ Phạm vi đo: (0÷0.2)inch Độ phân giải: 0.0001inch	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
25.	Đồng hồ so	Nơi sản xuất: Nhật Bản Kiểu: 3058F Phạm vi đo: (0÷50)mm Độ phân giải: 0.01mm	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
26.	Đồng hồ so	Nơi sản xuất: Nhật Bản Kiểu: 2050F Phạm vi đo: (0÷20)mm Độ phân giải: 0.01mm	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
27.	Máy cắt cánh	Nơi sản xuất: Mỹ Kiểu: 138 Phạm vi đo: (0÷80)N.m	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
28.	Máy cắt phẳng	Nơi sản xuất: Trung Quốc Phạm vi đo: (0÷1.2)k.N	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
29.	Máy nén	Nơi sản xuất: Trung Quốc Phạm vi đo: (0÷30)k.N	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
30.	Đồng hồ bấm giây	Nơi sản xuất: Q&Q Phạm vi đo: (0÷24)h Độ phân giải: 0.01s	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
31.	Tủ sấy	Nơi sản xuất: LabTech Kiểu: LDO-150F Phạm vi đo: (+10÷300)^{0}C Độ phân giải: 0.1^{0}C	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
32.	Máy khoan thăm dò địa chất	Nơi sản xuất: Trung Quốc Kiểu: XY-1 Độ khoan sâu: 100m Công suất: 10.5kW	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
33.	Thước cuộn	Phạm vi đo: (0÷30)m Độ phân giải: 1mm	Hiệu chuẩn	Phòng thí nghiệm	
34.	Cối chày sứ	Nơi sản xuất: Trung Quốc 160mm		Phòng thí nghiệm	
35.	Ống đong thủy tinh	Glasssco 1 lít		Phòng thí nghiệm	
36.	Bình tia MH 500			Phòng thí nghiệm	
37.	Dao tạo rãnh S173-04			Phòng thí nghiệm	
38.	Đá thấm			Phòng thí nghiệm	
39.	Dao spatula	200mm		Phòng thí nghiệm	
40.	Dao spatula	150mm		Phòng thí nghiệm	
41.	Bình tia nhựa	500ml		Phòng thí nghiệm	
42.	Hộp nhôm	55x35mm		Phòng thí nghiệm	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Hiểm định/ hiệu chuẩn	Nơi sử dụng thiết bị	Ghi chú
43.	Bình hút ẩm không vòi	Trung Quốc 300mm		Phòng thí nghiệm	
44.	Máy cất nước 1 lần	Model: SLWS-MH-40M		Phòng thí nghiệm	
45.	Chày Proctor cải tiến			Phòng thí nghiệm	
46.	Cối Proctor cải tiến			Phòng thí nghiệm	
47.	Máy trộn JJ-5			Phòng thí nghiệm	
48.	Điện cực 9615S-10D			Phòng thí nghiệm	
49.	Bình tam giác	Trung Quốc 500ml		Phòng thí nghiệm	
50.	Bình tam giác MH	Isolab 250ml		Phòng thí nghiệm	
51.	Ống nhỏ giọt	Việt Nam		Phòng thí nghiệm	
52.	Cốc đốt kẻ độ thấp thành	Isolab 100ml		Phòng thí nghiệm	
53.	Cốc đốt kẻ độ thấp thành	Isolab 25ml		Phòng thí nghiệm	
54.	Cốc đốt kẻ độ thấp thành	Isolab 50ml		Phòng thí nghiệm	
55.	Cốc đốt kẻ độ thấp thành	Isolab 1000ml		Phòng thí nghiệm	
56.	Đũa thủy tinh	30cm		Phòng thí nghiệm	
57.	Ống đong đế lục giác	Isolab 50ml		Phòng thí nghiệm	
58.	Ống đong đế lục giác	Isolab 25ml		Phòng thí nghiệm	
59.	Ống đong đế lục giác	Isolab 100ml		Phòng thí nghiệm	
60.	Phễu thủy tinh	Trung Quốc 60mm		Phòng thí nghiệm	
61.	Phễu thủy tinh	Trung Quốc 100mm		Phòng thí nghiệm	
62.	Quả bóp cao su nhỏ	Việt Nam		Phòng thí nghiệm	
63.	Mũi khoan neo			Phòng thí nghiệm	
64.	Ống lấy mẫu			Phòng thí nghiệm	
65.	Dầm máy xuyên			Phòng thí nghiệm	
66.	Máy đo mực nước ngầm	30mm		Phòng thí nghiệm	